

Bản án số: 08/2019/HS-PT
Ngày 16-01-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Huy Toàn.

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Huỳnh Đức;

Ông Bùi Ngọc Thạch.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lữ Thị Lệ Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 177/2018/TLPT-HS ngày 03 tháng 12 năm 2018 đối với các bị cáo Nguyễn Thanh K, Lê Văn C, Nguyễn Thị Kim T, Trần Thị C1 và Nguyễn Thị M. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 190/2018/HS-ST ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã T.

Họ và tên các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thanh K, sinh năm 1974 tại tỉnh An Giang; nơi thường trú: Ấp V, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang; nơi tạm trú: Số X, khu phố H, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 (đã chết) và bà Huỳnh Thị M1 (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1973 và có 02 người con (sinh năm 1992 và năm 1997); tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 11/01/2018 đến ngày 20/01/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. Lê Văn C (tên gọi khác: P), sinh năm 1978 tại tỉnh Bình Dương; nơi thường trú: Tổ Y, khu phố T, phường T, thị xã T1, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn M2, sinh năm 1959 và bà Trần Thị N, sinh năm 1961; có vợ là Lê Thị V, sinh năm 1982 và có 02 người con (sinh năm 2008 và năm 2016); tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 11/01/2018 đến ngày 20/01/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. Nguyễn Thị Kim T (tên gọi khác: T2), sinh năm 1986 tại tỉnh An Giang; nơi thường trú: Số Z, khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Đạo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Việt H1, sinh năm 1965 và bà Thái Thị C2, sinh năm 1965; có chồng là Thái Hoàng P2, sinh năm 1988 và có 02 người con (sinh năm 2006 và năm 2014); tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 11/01/2018 đến ngày 20/01/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

4. Trần Thị C1, sinh năm 1983 tại tỉnh An Giang; nơi thường trú: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; nơi thường trú: Khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B (đã chết) và bà Lê Thị H2, sinh năm 1953; có 01 người con, sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 11/01/2018 đến ngày 20/01/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

5. Nguyễn Thị M (tên gọi khác: T3), sinh năm 1976 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi thường trú: Lô A, tổ B, khu phố B, phường T, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị T5, sinh năm 1956; có chồng là: Lý Chí D, sinh năm 1969 và có 03 người con (con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2008); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 01 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 10/01/2018, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thanh K, Nguyễn Thị Kim T, Trần Thị C1, Phạm Văn M3, Tiêu Hoàng T6 gặp nhau. Sau đó, K gọi điện thoại rủ thêm Lê Văn C và cùng nhau đánh bạc với hình thức bài binh Ẩn Độ thắng thua bằng tiền tại phòng trọ số 11 thuộc khu nhà trọ tại địa chỉ số M, khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương do ông Hương Chí V làm chủ, ông V giao cho Võ Thị Kim H3 trực tiếp quản lý. Các bị cáo đánh bạc với tỷ lệ thắng thua như sau: Trước khi người làm cái sử dụng bộ bài tây 52 lá chia cho mỗi người 06 lá bài thì người tham gia phải đặt tiền cược trên chiếu bạc để thắng thua với người làm cái. Sau đó, người tham gia xếp bài sao cho khi cộng lại giữa người làm cái và người tham gia ai có số nút cao hơn là người thắng cuộc, không có người làm cái cố định mà thay phiên nhau làm cái, mỗi ván đặt cược số tiền từ 50.000 (năm mươi nghìn) đồng đến 500.000 (năm trăm nghìn) đồng. Nguyễn Thị M sử dụng 200.000 (hai trăm nghìn) đồng để đánh bạc được khoảng 03 ván thì bỏ về trước và có nhận của những người tham gia đánh

bạc số tiền là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền xâu để đưa lại cho Võ Thị Kim H3. Các bị cáo còn lại tiếp tục đánh bạc đến khoảng 23 giờ 20 phút ngày 10/01/2018 thì bị Công an thị xã T phối hợp với Công an phường T phát hiện bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc:

Số tiền 4.400.000 (bốn triệu bốn trăm nghìn) đồng, 02 (hai) bộ bài tây 52 lá đã sử dụng, 05 (năm) bộ bài tây 52 lá chưa sử dụng. Ngoài ra, còn thu giữ trong người của các bị cáo tổng số tiền 22.840.000 (hai mươi hai triệu tám trăm bốn mươi nghìn) đồng, cụ thể như sau:

Lê Văn C mang theo 10.000.000 (mười triệu) đồng sử dụng để đánh bạc, đã thua 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng, bị thu giữ trong người 6.400.000 (sáu triệu bốn trăm nghìn) đồng. Nguyễn Thanh K mang theo 1.000.000 (một triệu) đồng sử dụng để đánh bạc, đã thua 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng, bị thu giữ trong người 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng; Phạm Văn M3 mang theo 6.940.000 (sáu triệu chín trăm bốn mươi nghìn) đồng, sử dụng 1.000.000 (một triệu) đồng cùng với Tiêu Hoàng T6 để đánh bạc, cả hai thắng được 1.100.000 (một triệu một trăm nghìn) đồng, bị thu giữ trong người 6.940.000 (sáu triệu chín trăm bốn mươi nghìn) đồng, trong đó 1.000.000 (một triệu) đồng sử dụng để đánh bạc, 5.940.000 (năm triệu chín trăm bốn mươi nghìn) đồng là tiền cá nhân. Nguyễn Thị Kim T mang theo 3.800.000 (ba triệu tám trăm nghìn) đồng sử dụng để đánh bạc, không thắng không thua, bị thu giữ trong người 3.800.000 (ba triệu tám trăm nghìn) đồng; Trần Thị C1 mang theo 3.400.000 (ba triệu bốn trăm nghìn) đồng sử dụng để đánh bạc, đã thắng 2.000.000 (hai triệu) đồng, bị thu giữ trong người 5.100.000 (năm triệu một trăm nghìn) đồng.

Như vậy tổng số tiền các bị cáo Nguyễn Thị M, Nguyễn Thanh K, Nguyễn Thị Kim T, Trần Thị C1, Phạm Văn M3, Lê Văn C, Tiêu Hoàng T6 sử dụng để đánh bạc là 21.500.000 (hai mươi một triệu năm trăm nghìn) đồng.

Đối với Võ Thị Kim H3, Phạm Văn M3, Tiêu Hoàng T6: Quá trình điều tra xác định H3, M3, T6 đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã T đã ra lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Võ Thị Kim H3, Phạm Văn M3, Tiêu Hoàng T6. Nhưng do hết thời hạn điều tra vẫn không xác định được các bị can đang ở đâu nên ngày 19/7/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã T đã ra quyết định tách vụ án hình sự, quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự, quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can và quyết định truy nã đối với các bị can Võ Thị Kim H3, Phạm Văn M3, Tiêu Hoàng T6.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 190/2018/HS-ST ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã T đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 47; Điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thanh K, Lê Văn C, Nguyễn Thị Kim T, Trần Thị C1 và Nguyễn Thị M phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Lê Văn C 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 11/01/2018 đến ngày 20/01/2018.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim T 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 11/01/2018 đến ngày 20/01/2018.

Xử phạt bị cáo Trần Thị C1 07 (bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 11/01/2018 đến ngày 20/01/2018.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh K 07 (bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 11/01/2018 đến ngày 20/01/2018.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/10/2018, các bị cáo Nguyễn Thị Kim T, Nguyễn Thị M, Lê Văn C, Trần Thị C1 và Nguyễn Thanh K có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến: Tội danh, điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo. Tuy nhiên, căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, xét thấy số tiền các bị cáo đánh bạc không lớn, các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nên không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt tiền cũng đủ sức răn đe đối với các bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, xử phạt bị cáo C mức hình phạt từ 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng đến 30.000.000 (ba mươi triệu đồng); các bị cáo K, T, C1 số tiền từ 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng đến 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng; bị cáo M số tiền từ 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng đến 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và giữ nguyên kháng cáo xin được hưởng án treo.

Bị cáo C nói lời sau cùng: Bị cáo phạm tội lần đầu, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng án treo.

Bị cáo T nói lời sau cùng: Bị cáo đồng ý với đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về áp dụng hình phạt tiền.

Bị cáo C1 nói lời sau cùng: Bị cáo đồng ý với đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về áp dụng hình phạt tiền.

Bị cáo K, M không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Đơn kháng cáo của các bị cáo được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, lời khai của các bị cáo thống nhất với nội dung vụ án đã nêu trên, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở kết luận: Khoảng 21 giờ ngày 10/01/2018, tại phòng trọ số 11 thuộc khu trọ tại số M, khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương, các bị cáo Nguyễn Thị M, Nguyễn Thanh K, Nguyễn Thị Kim T, Trần Thị C1, Lê Văn C đã cùng với Phạm Văn M3, Tiêu Hoàng T6 (hiện nay đã bỏ trốn) thực hiện hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền với hình thức bài binh Ấn Độ, mỗi ván đặt cược số tiền từ 50.000 (năm mươi nghìn) đồng đến 500.000 (năm trăm nghìn) đồng. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 21.500.000 (hai mươi một triệu năm trăm nghìn) đồng.

[3]. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, nếp sống văn minh của xã hội, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Về nhận thức, các bị cáo nhận thức được hành vi đánh bạc sát phạt lẫn nhau thắng thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả. Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình theo quy định của pháp luật. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4]. Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Tòa án cấp phúc thẩm các bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Đối với tình tiết bị cáo C, T có con còn nhỏ, đây không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết này đối với các bị cáo là chưa đúng. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo trực tiếp tham gia đánh bạc, số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc không lớn và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt thể hiện ở việc các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, các bị cáo nhất thời phạm tội, phạm tội lần đầu, không có tính thường xuyên. Việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo là nặng, chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo cũng như chưa xem xét hết điều kiện, hoàn cảnh của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo, chuyển hình phạt tù thành hình phạt tiền cũng đủ sức răn đe, giáo dục đối với các bị cáo.

Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Các bị cáo trực tiếp tham gia đánh bạc, bị cáo C sử dụng số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng để đánh bạc, bị cáo K sử dụng 1.000.000 (một triệu) đồng để đánh bạc nhưng là người rủ bị cáo C

đến tham gia đánh bạc. Do đó, mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo C, K là bằng nhau. Bị cáo T sử dụng số tiền 3.800.000 (ba triệu tám trăm nghìn) đồng, bị cáo C1 sử dụng số tiền 3.400.000 (ba triệu bốn trăm nghìn) đồng và bị cáo M sử dụng số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng để đánh bạc. Do đó, mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo C, K phải cao hơn các bị cáo khác, mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo T, C1 phải cao hơn mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo M.

Do Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo nên không xem xét kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo.

Đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo là phù hợp. Tuy nhiên, mức đề nghị áp dụng đối với bị cáo C cao hơn bị cáo K là chưa phù hợp.

Về phần quyết định của bản án: Các bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ khác nhau quy định tại các điều khoản khác nhau, tuy nhiên tại phần quyết định của bản án sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng chung quy định pháp luật đối với các bị cáo là chưa phù hợp.

[4]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5]. Án phí hình sự phúc thẩm: Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm đ khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 190/2018/HS-ST ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã T về hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thanh K, Lê Văn C, Nguyễn Thị Kim T, Trần Thị C1 và Nguyễn Thị M:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 47; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh K 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng về tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Lê Văn C 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng về tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Trần Thị C1 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng về tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng về tội “Đánh bạc”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 47; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim T 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng về tội “Đánh bạc”.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo không phải nộp.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí, về xử lý vật chứng không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- | | |
|-------------------------------------|---|
| - VKSND tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - Phòng PV 06 - CA tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - TAND thị xã T; | 2 |
| - VKSND thị xã T; | 1 |
| - Chi cục THADS thị xã T; | 1 |
| - CQCSĐT CA thị xã T; | 1 |
| - Bị cáo; | 5 |
| - Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - Tổ Hành chính Tư pháp; | 2 |
| - Lưu hồ sơ vụ án. | 1 |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Huy Toàn